

**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 102 Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều 34 - Điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (sửa đổi theo Luật doanh nghiệp 2014 áp dụng cho Công ty đại chúng được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2016);

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Công ty) xin báo cáo Quý cổ đông tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả kiểm soát tại Công ty năm 2017 như sau:

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở soát xét báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Tổng hợp các báo cáo liên quan, kiểm tra chọn mẫu chứng từ kế toán, kiểm tra đối chiếu các báo cáo nhập xuất tồn vật tư, kiểm tra chọn mẫu hồ sơ quyết toán các công trình sửa chữa lớn hoàn thành trong năm 2017.

1. Nội dung kiểm soát

Giám sát việc quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị (HDQT). Tổng Giám đốc, việc thực hiện nhiệm vụ do đại hội đồng cổ đông giao, việc thực hiện Nghị quyết HDQT đối với Ban điều hành.

Kiểm soát báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản, hiệu quả đầu tư vốn; Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý tài chính - kế toán.

Thông qua hoạt động kiểm soát phát hiện ra các tồn tại, sai sót để kiến nghị với ban điều hành chấn chỉnh công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), công tác quản lý tài chính kế toán, của Công ty và đề xuất những kiến nghị để khắc phục những tồn tại được phát hiện thông qua kiểm soát; Đảm bảo các nguồn lực của Công ty được sử dụng tiết kiệm mang lại hiệu quả cao nhất.

Thực hiện các khuyến nghị của Ban kiểm soát các lần trước.

2. Phạm vi, giới hạn và thời gian kiểm soát

2.1. Phạm vi kiểm soát

Thời kỳ được kiểm soát năm 2017

2.2. Giới hạn kiểm soát: Ban Kiểm soát khi thực hiện kiểm soát tại Công ty giới hạn kiểm soát như sau:

Ban Kiểm soát không chứng kiến việc kiểm kê tiền mặt, vật tư hàng hóa tồn kho, đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2017; Không đối chiếu, xác minh hoá đơn mua vật tư, dịch vụ, nợ phải thu, phải trả với các đơn vị, cá nhân liên quan; Không kiểm soát báo cáo quyết toán dự án đầu tư xây dựng, chỉ kiểm soát việc tuân thủ pháp luật chế độ đầu tư Xây dựng cơ bản.

2.3. Thời gian kiểm soát:

Trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2017 ngoài công việc kiểm soát chuyên trách tại Công ty thực hiện theo quy chế, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm soát trực tiếp tại Công ty; Kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 trình ĐH đồng cổ đông năm 2017 và kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐ cổ đông giai đoạn 6 tháng đầu năm 2017.

Kiểm soát tình hình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2017 do ĐHĐ cổ đông giao: Từ ngày 21 đến 24/03/2018 tại trụ sở Công ty.

3. Căn cứ kiểm soát

Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán, điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Báo cáo kiểm soát được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm soát, biên bản xác nhận số liệu và tình hình thực hiện công việc kiểm soát của các thành viên Ban Kiểm soát. Báo cáo tài chính giữa niên độ (Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV, Báo cáo tài chính Bán niên) và Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

4. Về tính đúng đắn trung thực của Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty, ngoại trừ phạm vi và giới hạn của Ban kiểm soát xét trên phương diện trọng yếu đã phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

I - GIÁM SÁT VIỆC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017 DO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG GIAO:

1.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ:

Từ Đại hội đồng cổ đông (tháng 4/2017) đến thời điểm kiểm soát, HĐQT Công ty đã ban hành 22 Nghị quyết và các Quyết định điều hành. Các nghị quyết đều được ủy viên HĐQT tham gia biểu quyết đầy đủ thống nhất và Nghị quyết ban hành kịp thời và phù hợp với nhiệm vụ do đại hội đồng cổ đông giao; Đồng thời các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao từ 60% đến 100% ý kiến biểu quyết tán thành.

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017	25/4/2017	1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán. 2. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch năm 2017. 3. Thông qua mức trả cổ tức, phân phối lợi nhuận năm 2016 và dự kiến mức cổ tức năm 2017. 4. Thông qua mức chi trả tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2016 và Dự kiến năm 2017. 5. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2017: Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của đơn vị.
2	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017	8/8/2017	Miễn nhiệm TVHĐQT và bầu bổ sung TV HĐQT
3	Nghị quyết Số 119/ NQ-PPC	23/01/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
4	Số 660/BB-PPC	21/02/2016	Biên bản họp định kỳ quý 4 năm 2016
5	Nghị quyết Số 120/ NQ-PPC	07/3/2017	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
6	Nghị quyết Số 121/ NQ-PPC	31/3/2017	Trả nợ trước hạn khoản vay lại EVN bằng đồng Yên nhật.

7	Nghị quyết Số 122/ NQ-PPC	14/4/2017	Thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
8	Nghị quyết Số 123/ NQ-PPC	05/05/2017	Thông qua báo cáo NCKT dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải - NMNĐ Hải Phòng 1 và 2
9	Nghị quyết Số 124/ NQ-PPC	11/05/2017	Trả Cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2016
10	Nghị quyết Số 125/ NQ-PPC	29/05/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
11	Nghị quyết Số 126/ NQ-PPC	12/06/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
12	Nghị quyết Số 127/ NQ-PPC	28/06/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
13	Nghị quyết Số 128/ NQ-PPC	29/06/2017	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017.
14	Nghị quyết Số 129/ NQ-PPC	24/7/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
15	Nghị quyết Số 130/ NQ-PPC	25/7/2017	Thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2017.
16	Nghị quyết Số 131/ NQ-PPC	15/8/2017	Thông qua việc bán cổ phiếu quỹ.
17	Nghị quyết Số 4305/BB-PPC	29/8/2017	Họp HĐQT định kỳ quý 2 năm 2017
18	Nghị quyết Số 132/ NQ-PPC	16/10/2017	Giao nhiệm vụ Người phụ trách quản trị Công ty.
19	Nghị quyết Số 133/ NQ-PPC	17/10/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
20	Số 5421/BB-PPC	09/11/2017	Họp HĐQT định kỳ quý 3 năm 2017.
21	Nghị quyết Số 134/ NQ-PPC	20/11/2017	Tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt.
22	Nghị quyết Số 135/ NQ-PPC	28/11/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị

Ngoài các Nghị quyết/Quyết định trên trong năm 2017 HĐQT đã ra 162 quyết định về việc phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến SXKD của Công ty. Các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao từ 60% đến 100% ý kiến biểu quyết tán thành.

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD do ĐH đồng cổ đông giao:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	So sánh (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	tr.kWh	5.591,30	4.998,28	89,39
2	Sản lượng bán cho EVN	tr.kWh	5.040,22	4.519,65	89,67
3	Tỷ lệ điện tự dùng	tr.kWh	9,86	9,55	96,86
4	Suất TH than tiêu chuẩn	g/kWh	369,65	370,48	100,22
5	Suất tiêu hao dầu	g/kWh	1,36	1,18	86,40
6	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	7.171,25	6.658,42	92,85
	- Doanh thu SXKD điện	Tỷ.đ	6.684,58	6.217,49	93,01
	- Doanh thu sản xuất khác	Tỷ.đ	20,40	19,32	94,71
	- D.thu hoạt động tài chính:	Tỷ.đ	461,27	412,27	89,38
	+ <i>Lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	Tỷ.đ	354,79	288,44	81,30
	+ <i>Chênh lệch tỷ giá</i>	Tỷ.đ		2,21	
	- Doanh thu hoạt động khác	Tỷ.đ	5,00	10,17	203,40
	- Lãi lỗ của công ty liên kết	Tỷ.đ			
7	Tổng chi phí	Tỷ.đ	6.448,47	5.655,22	87,70
	- Chi phí SXKD điện	Tỷ.đ	6.126,26	5.520,97	90,12
	- Chi phí sản xuất khác	Tỷ.đ	6,29	4,97	79,01
	- Chi phí hoạt động tài chính	Tỷ.đ	314,41	119,94	38,15
	+ <i>Chi phí lãi vay.</i>	Tỷ.đ	119,45	72,13	60,38
	+ <i>Chi phí hoạt động đầu tư TC</i>	Tỷ.đ			
	+ <i>Chênh lệch tỷ giá</i>	Tỷ.đ	194,96	139,43	71,52
	- Chi phí hoạt động khác	Tỷ.đ	1,51	9,34	618,54
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	722,78	1.003,20	138,80
	- LN từ sản xuất điện	Tỷ.đ	558,32	696,52	124,75
	- LN từ sản xuất khác	Tỷ.đ	14,11	14,35	101,70
	- LN từ hoạt động tài chính	Tỷ.đ	146,86	292,33	199,06
	+ <i>Lãi tiền gửi, tiền cho vay</i>	Tỷ.đ	235,34	308,30	131,00
	+ <i>Hoạt động đầu tư tài chính</i>	Tỷ.đ			
	+ <i>Chênh lệch tỷ giá</i>	Tỷ.đ	-194,96	-137,22	70,38
	- LN từ hoạt động khác	Tỷ.đ	3,49	0,83	23,78

1.3. Lao động tiền lương, thu nhập

TT	Nội dung	ĐVT	KH 2017	TH 2017	S.sánh (%)
1	- Lao động có mặt đến 31/12/2018	Người	1.248	1.210	96,96
2	- Lao động bình quân	Người		1.237	
	Trong đó : - LĐ theo DM	Người			
3	- Tổng quỹ lương chung	Tỷ đồng	224,43	232,31	103,51
4	- Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th		16.940,8	

II. SỐ LIỆU TÀI CHÍNH

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

(Số liệu tóm tắt) ĐVT: 10⁶.đ

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ (%)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	3.585.592	5.935.591	60,41
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	208.919	777.871	26,86
1. Tiền	111	32.919	37.871	86,93
2. Các khoản tương đương tiền	112	176.000	740.000	23,78
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	550.000	2.110.000	26,07
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	550.000	2.110.000	26,07
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2.259.537	2.662.374	84,87
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.322.020	1.615.790	81,82
2. Trả trước cho người bán	132	443	2.165	20,46
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	950.304	1.053.800	90,18
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	664	1.353	49,08
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-13.894	-10.735	129,43
IV. Hàng tồn kho	140	551.615	383.564	143,81
1. Hàng tồn kho	141	651.563	436.191	149,38
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-99.948	-52.627	189,92
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	15.520	1.781	871,31
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	58	-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15.462	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	1.781	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	3.962.855	4.789.523	82,74
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	933.167	1.707.970	54,64
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	933.167	1.707.970	54,64
II. Tài sản cố định	220	302.689	325.947	92,86
1. Tài sản cố định hữu hình	221	302.551	325.477	92,96
- Nguyên giá	222	13.392.458	13.380.203	100,09
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-13.089.907	-13.054.726	100,27
3. Tài sản cố định vô hình	227	139	469	29,55
- Nguyên giá	228	58.730	58.730	100,00
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-58.592	-58.261	100,57
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	384.664	380.036	101,22
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	384.664	380.036	101,22
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.269.402	2.204.882	102,93
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	27.476	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	1.451.056	1.451.056	100,00
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1.084.843	1.084.843	100,00
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-266.497	-358.493	74,34
VI. Tài sản dài hạn khác	260	72.933	2.076	3.512,53
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.504	2.076	72,45
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	71.429	168.612	42,3
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	7.548.447	10.725.114	70,38

A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	2.071.503	5.352.301	38,70
I. Nợ ngắn hạn	310	1.564.978	1.526.836	102,50
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	579.481	280.329	206,71
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	252	362	69,69
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	48.335	72.502	66,67
4. Phải trả người lao động	314	61.383	57.771	106,25
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	383.689	410.819	93,40
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	3.081	270.696	1,14
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	443.598	364.330	121,76
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	45.158	70.026	64,49
II. Nợ dài hạn	330	506.525	3.825.465	13,24
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	506.525	3.825.465	13,24
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	5.476.944	5.372.814	101,94
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.476.944	5.372.814	101,94
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.262.350	3.262.350	100,00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b	3.262.350	3.262.350	100,00
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	11.693		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	171.215	160.145	106,91
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-87.388	-125.603	69,58
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	539.636	541.670	99,62
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.579.440	1.534.252	102,95
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	1.110.176	1.189.807	93,30
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	469.262	344.445	136,23
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	7.548.447	10.725.114	70,38

2.2. Thuế và các khoản nộp NSNN đến 31/12/2017

DVT: 10⁶ đồng

Diễn giải	Số dư đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
I. Thuế	70.476,79	384.620,99	409.121,46	45.976,32
1. Thuế GTGT hàng bán	12.008,08	143.748,72	155.756,80	-
5. Thuế TNDN	57.332,17	149.197,53	187.410,37	19.119,33
6. Thuế thu nhập CN	- 1.781,24	5.735,50	3.838,15	116,11
7. Thuế tài nguyên	2.917,77	68.704,25	44.881,15	26.740,88
8. Thuế nhà đất	-	416,61	416,61	-
9. Tiền thuê đất	-	16.815,39	16.815,39	-
10. Các loại thuế khác	-	3,00	3,00	-
II. Các khoản phải nộp khác	244,45	2.969,32	855,51	2.358,27

III. THỰC HIỆN CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG.

3.1. Quản lý tài chính, kế toán:

Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại là doanh nghiệp hạch toán độc lập do Tổng công ty phát điện 2 (GENCO2) chiếm cổ phần chi phối; Hoạt động SXKD của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, luật thuế, luật khác có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật đang có hiệu lực thi hành.

Việc chấp hành chế độ quản lý tài chính tại Công ty được đánh giá trên các mặt chủ yếu sau đây:

3.2. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của các cổ đông và một số quy định pháp luật của Nhà nước tại Công ty.

3.2.1. Quản lý tài sản và nguồn vốn

a. Quản lý tài sản ngắn hạn.

Tiền và các khoản tương đương tiền 208,9 tỷ đồng : Được mở sổ, theo dõi hạch toán theo quy định. Qua theo dõi kiểm soát cho thấy: Chứng từ thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đầy đủ, theo đúng quy định. Cuối tháng, Công ty đã tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi tại ngân hàng.

Đầu tư tài chính ngắn hạn 550 tỷ đồng là khoản tiền gửi có kỳ hạn đến hạn trong năm 2018; Đầu tư tài chính ngắn hạn cuối năm 2017 thấp hơn rất nhiều và chỉ bằng 26,07% so với đầu năm : Do năm 2017 Công ty đã thực hiện trả nợ trước hạn khoản vay của EVN với tổng giá trị là 14,42 tỷ JPY tương đương với 3.133 tỷ đồng, vì vậy dòng tiền nhận rồi đầu tư tài chính giảm so với đầu năm.

✓ Các khoản phải thu ngắn hạn:

- Các khoản phải thu khách hàng đến thời điểm 31/12/2017 là 2.259,54 tỷ đồng gồm khoản phải thu về tiền bán điện cho Công ty mua bán điện (EPTC) thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam 1.269,24 tỷ đồng, khách hàng khác 52,78 tỷ đồng và khoản phải thu về cho EVN và GENCO2 vay đến hạn trong năm 2018 tương ứng với giá trị 950 tỷ đồng.

- Công ty đã mở sổ theo dõi và hạch toán công nợ phải thu ngắn hạn chi tiết cho từng đối tượng:

+ Công nợ khó đòi: 13,89 tỷ đồng chiếm 0,006%/Các khoản phải thu ngắn hạn; Nợ phải thu khó đòi chiếm tỷ lệ rất thấp so với tổng số nợ phải thu của các khách hàng.

Công nợ phải thu khó đòi chiếm tỷ trọng lớn nhất đến thời điểm hiện tại là khoản Công ty ủy thác đầu tư cho Công ty quản lý quỹ Bảo Việt (BVFM); Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay bên nhận ủy thác của BVFM là ACL2 đang làm thủ tục tuyên bố phá sản do đó khoản đầu tư này khó có khả năng thu hồi; Liên quan đến khoản đầu tư này Công ty đã thực hiện khởi kiện BVFM ra tòa kinh tế để thực hiện thu hồi toàn bộ giá trị của khoản đầu tư. Tòa án đã nhận hồ sơ thụ lý vụ án và đang tiến hành xử lý. Công ty đang chờ kết quả phán quyết của Tòa án để thu hồi số tiền đã ủy thác đầu tư

trên

✓ *Quản lý hàng tồn kho:*

+ Đối với nguyên vật liệu hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho đến thời điểm 31/12/2017 là 551,62 tỷ đồng chủ yếu các chủng loại nhiên liệu và phụ tùng thiết bị như sau (*số liệu đã được phân loại lại số đầu kỳ để làm cơ sở so sánh*):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tỷ lệ
+ Nhiên liệu than	397,67 tỷ đồng	200,90 tỷ đồng	197,9%
+ Nhiên liệu dầu FO	30,33 tỷ đồng	28,77 tỷ đồng	105,4%
+ Nguyên liệu, vật liệu...	181,12 tỷ đồng	206,46 tỷ đồng	87,7%
+ DP giảm giá hàng tồn kho	99,94 tỷ đồng	52,63 tỷ đồng	189,9%
+ Thiết bị phụ tùng DP dài hạn	244,78 tỷ đồng	289,54 tỷ đồng	84,5%
<i>DP giảm giá TB, PT dài hạn</i>	<i>173,36 tỷ đồng</i>	<i>120,92 tỷ đồng</i>	<i>143,4%</i>

Hàng tồn kho tăng chủ yếu do than nhập trong kỳ tăng bằng 197,9% - Sản lượng Than tăng do thời điểm cuối năm 2017 TKV đã đề xuất tăng sản lượng giao than cho PPC và chấp nhận cho PPC được thanh toán chậm toàn bộ giá trị than nhập cuối năm 2017 khoảng 64 tỷ đồng, đồng thời giá than nhập tăng so với năm 2016; Dầu Fo tồn kho bằng 105,4% so với đầu năm; Trong năm 2017 Công ty đã phân loại các thiết bị phụ tùng tồn kho có kế hoạch sử dụng sau 1 năm theo dõi riêng, sau khi phân loại lại theo tính toán của đơn vị kiểm toán độc lập giá trị nguyên vật liệu giảm bằng 87,7% so với đầu năm.

Năm 2017 Công ty đã tiếp tục thực hiện việc kiểm kê, phân loại và đánh giá chất lượng và nhu cầu sử dụng của từng loại vật tư để tiến hành loại bỏ những vật tư thiết bị không cần dùng, vật tư kém, mất phẩm chất. Tuy nhiên qua việc đánh giá và phân loại trên BKS nhận thấy còn một số tồn tại chủ yếu sau:

- Việc thanh lý (bán) những loại vật tư ứ đọng không cần dùng sau khi được phân loại sẽ rất khó thực hiện do giá gốc nhận từ nhà thầu đã rất cao và hiện tại đã có nhiều chủng loại bị hết hạn sử dụng hoặc hư hỏng theo thời gian...Do đó để đảm bảo thanh lý vật tư tồn đọng đảm bảo thu hồi vốn sẽ không đạt hiệu quả.

- Đối với giá trị vật tư thiết bị Công ty tổ chức mua sắm phục vụ sản xuất và sửa chữa thường xuyên cho riêng dây chuyền 2 từ năm 2006 đến giai đoạn 2016 (BKS đã báo cáo trong ĐHD cổ đông ngày 25/04/2017): Sau khi Công ty thực hiện kiểm kê và phân loại tách vật tư thiết bị cần dùng và chưa cần dùng đến thời điểm hiện tại đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định với chi phí trích lập dự phòng với giá trị trên 100 tỷ đồng do đó năm 2017 chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng cao hơn so với năm 2016.

- Sản lượng than nhập kho từ đầu năm 2017 bằng đường sắt chiếm 12,78% trên tổng sản lượng than nhập kho. Việc điều chỉnh tăng sản lượng than nhập kho bằng đường sắt sẽ giảm chi phí vận chuyển than, giảm chi phí xếp dỡ hàng đồng thời giảm giá thành sản xuất điện. Theo BKS tính toán trên cơ sở số liệu thực tế từ đầu năm 2017; đơn giá than nhập bằng đường sắt thấp hơn so với than nhập bằng đường

sông tối thiểu khoảng 13.000đồng/tấn than.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

✓ *Các khoản phải thu dài hạn:*

Tổng các khoản phải thu dài hạn là 933,17 tỷ đồng trong đó:

+ Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) vay vốn dài hạn là 745 tỷ đồng: Đây là tổng giá trị các Hợp đồng EVN huy động vốn của Công ty từ năm 2009 để bổ sung vốn lưu động và đầu tư thủy điện Lai Châu, đã được gia hạn lần lượt qua các năm với lãi suất bằng lãi suất bình quân của 4 ngân hàng thương mại Agribank, BIDV, VCB và Vietinbank cộng với lãi biên là 1,5% và 3%. EVNGENCO2 vay dài hạn 188 tỷ đồng, lãi suất cho vay bằng lãi suất bình quân của 4 ngân hàng thương mại Agribank, BIDV, VCB và Vietinbank cộng với lãi biên là 0,5%.

Tiền lãi thu được từ các khoản cho vay này 2017 đạt 242,63 tỷ đồng (bao gồm tiền lãi của tất cả khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn).

✓ *Tài sản cố định:*

Giá trị còn lại của TSCĐ tại thời điểm cuối năm 2017 là 302,69 tỷ đồng chỉ bằng 4%/Tổng giá trị tài sản của PPC; BKS đánh giá đây là lợi thế rất lớn của Công ty trong giai đoạn hiện nay việc chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi phí vẫn sẽ là lợi thế để Công ty chủ động đưa ra chiến lược chào giá bán điện trên thị trường theo từng thời điểm

Việc theo dõi, hạch toán TSCĐ đã được Công ty mở thẻ TSCĐ, sổ chi tiết.

✓ *Tài sản dở dang dài hạn:*

Chủ yếu là chi phí đã chi cho các công trình sửa chữa lớn chưa được quyết toán hoàn thành; Các công trình SCL trong năm đều kết thúc trong Quý IV nên việc phê duyệt quyết toán hoàn thành thời điểm cuối năm chưa kịp với thời gian kết thúc năm tài chính do đó giá trị trên vẫn được theo dõi trong sổ sách của Công ty và được quyết toán hoàn thành vào năm liền kề sau.

✓ *Quản lý đầu tư tài chính dài hạn:*

Giá trị còn lại ghi nhận số tiền đầu tư 2.269,40 tỷ đồng (số tiền gốc đầu tư ban đầu là 2.535,89 tỷ đồng), bằng 69,56% vốn điều lệ của Công ty. Cổ tức được nhận và lợi nhuận sau khi thoái vốn năm 2018 là 121,6 tỷ đồng bằng 5,36% giá trị vốn đầu tư (cuối kỳ), các khoản đầu tư này thực hiện đầu tư vào các đơn vị ngành điện theo định hướng của EVN từ những năm trước đây:

- Khoản đầu tư vào Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) với giá trị gốc là 817,29 tỷ đồng đến thời điểm 31/12/2017 căn cứ theo giá trị giao dịch của cổ phiếu QTP trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã hoàn nhập dự phòng cho khoản đầu tư trên với giá trị trên 107 tỷ đồng; Tình hình SXKD của QTP năm 2017 đã có lợi nhuận nhưng hiện tại QTP do vẫn đang bị lỗ lũy kế nên năm 2018 dự kiến sẽ tiếp tục không có cổ tức từ khoản đầu tư này.

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính được tổng hợp lại như sau:

ĐVT: 10⁹ đồng

TT	Diễn giải	Cổ tức ,lãi suất (%) đến 31/12/2017	Giá trị thu được đến 31/12/2017	Số tiền còn đầu tư đến 31/12/2017	Ngày đáo hạn
1	Đầu tư ngắn hạn	(Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn)	288,44	2.609,47	
1.1	Gửi tiền tại các ngân hàng	LS BQ từ 6% đến 7%	45,81	726,00	Trong năm 2017
1.2	EVN và GENCO 2 huy động vốn		242,63	1.883,47	
	- EVN huy động vốn	LS BQ 04 ngân hàng +LS biên 1,5% và 3%	168,49	1.280,00	1.000 tỷ đến hạn 2019 và 280 tỷ đến 2025
	- EVNGENCO 2 huy động vốn	LS BQ 04 ngân hàng +LS biên 0,5%	74,14	603,47	Đến hạn năm 2018 và 2019
2	Đầu tư dài hạn		121,61	2.535,90	-
2.1	Đầu tư công ty con		32,52		
	Công ty CPDV SCND Miền Bắc	Lãi do thoái vốn NPS	32,52	-	Đã thoái vốn Quý I/2017
2.2	Đầu tư công ty liên kết		77,91	1.451,06	
	Công ty CP Nhiệt điện Hải phòng	Thanh toán cổ tức còn lại 2016 là 3% và tạm ứng cổ tức năm 2017 3%	77,91	1.451,06	Không thời hạn
2.3	Đầu tư khác		11,18	1.084,84	
	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	-		817,30	Không thời hạn
	Dự án Công ty CP EVN quốc tế			70,80	Không thời hạn
	Công ty CP thủy điện Buôn Đôn	Cổ tức 2016: Bằng tiền:7,048%;Cổ phiếu 13,5%	4,02	50,25	Không thời hạn
	Công ty CP phát triển điện VN	Trả cổ tức tiền mặt 2016: 5,97%	6,49	100,00	Không thời hạn
	Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	Ngày 20/7/2017 trả cổ tức 2016: 10%	0,67	46,49	Không thời hạn
	Tổng		410,05	5.145,37	

✓ *Quản lý tài sản dài hạn khác:*

Tài sản dài hạn khác của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 72,93 tỷ đồng chủ yếu là Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn; Trong năm 2017 Công ty đã tiến hành đánh giá, phân loại các loại vật tư thiết bị tồn kho thành các chủng loại cần sử dụng ngay, sẽ sử dụng trong thời gian sau 1 năm và để dự phòng với mục đích theo dõi và giám sát đảm bảo hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng các loại vật tư thiết bị này.

c. Quản lý nợ phải trả:

✓ *Nợ ngắn hạn*

Các khoản công nợ phải trả được Công ty mở sổ kế toán theo dõi và hạch toán chi tiết đến từng đối tượng.

Thực hiện phân loại công nợ theo thời hạn thanh toán (tuổi nợ) được thực hiện vào cuối năm và xác nhận đối chiếu công nợ phải trả với từng khách hàng.

Đối với khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với giá trị là 443,59 tỷ đồng tăng 121,76% so với đầu năm là do Công ty đã đàm phán với EVN (đã nhận được chấp thuận) trả trước khoản nợ vay dài hạn đến hạn năm 2018 cao hơn so quy định trả gốc của Hợp đồng vay lại đã ký do đó giá trị nợ vay ngắn hạn cuối kỳ tăng so với đầu năm 2017.

✓ *Nợ dài hạn hạn*

Khoản vay dài hạn đến thời điểm 31/12/2017: 506,53 tỷ đồng là khoản nợ vay có gốc ngoại tệ còn lại được quy đổi theo tỷ giá bán ra của VCB tại thời điểm 31/12/2017.

Thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty đã trả nợ trước hạn cho EVN với tổng giá trị là 3.133 tỷ đồng do đó nợ dài hạn cuối kỳ giảm so với đầu năm 2017.

d. Quản lý nguồn vốn chủ sở hữu:

Năm 2018, thực hiện NQ của HĐQT Công ty đã thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ và đã thu được thặng dư vốn cổ phần trên 11 tỷ đồng từ khoản đầu tư này; Các chỉ tiêu thuộc nguồn vốn chủ sở hữu Công ty đã thực hiện theo dõi và quản lý theo quy định, cụ thể số liệu như sau:

ĐVT: 10⁹đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	PS năm	PS giảm	Số dư cuối kỳ
1- Vốn cổ phần	3.262,35			3.262,35
2- Vốn khác của chủ sở hữu	160,14	11,07		171,21
3- Cổ phiếu quỹ	-125,60	38,21		-87,39
4- Quỹ ĐTPT	541,67	9,04	11,07	539,64
5- Thặng dư vốn CP		11,69		11,69
6- LN sau thuế	1.534,25	854,00	808,81	1.579,44
Cộng	5.372,81	924,01	819,88	5.476,94

3.2.2. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và công tác quản lý chỉ đạo

điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017.

✓ Quản lý doanh thu, thu nhập:

Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD của Công ty năm 2017 là 6.658,42 tỷ đồng; Trong đó: Doanh thu bán điện của là 6.217,49 tỷ đồng bằng 92,85% so với Kế hoạch.

- Sản lượng điện bán trong năm 2017 thấp, chỉ bằng 89,39% so với kế hoạch năm 2017. Mặc dù sản lượng điện sản xuất thấp/KH năm nhưng lợi nhuận từ sản xuất điện tăng và bằng 124,75%/KH năm.

- Tổng lợi nhuận năm 2017 trước thuế đạt 1.003,20 tỷ đồng bằng 138,80% kế hoạch năm; Lợi nhuận tăng so với năm 2016 do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất điện tăng, từ hoạt động đầu tư tài chính tăng.

Lợi nhuận từ sản xuất điện tăng do Công ty đã duy trì tốt trạng thái luôn sẵn sàng đối với các tổ máy dừng do phương thức điều độ; Giá bán điện bình quân cao đã mang lại lợi nhuận tốt cho Công ty. Bên cạnh đó chi phí của hoạt động tài chính giảm do Công ty đã trả nợ trước hạn khoản vay có nguồn gốc ngoại tệ nên chi phí lãi vay giảm và đồng thời chi phí chênh lệch tỷ giá thấp hơn so với kế hoạch năm.

✓ Quản lý giá vốn, chi phí:

Công ty có hệ thống sổ sách kế toán để hạch toán, theo dõi chặt chẽ chi phí, giá vốn theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành và của EVN.

Tổng chi phí cho hoạt động SXKD 5.655,22 tỷ đồng. Trong đó; Chi phí SX điện là 5.520,97 tỷ đồng, bằng 90,12% so với KH2017.

3.2.3. Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại thời điểm 31/12/2017 là 48,33 tỷ đồng, bao gồm: chủ yếu là thuế TNDN 19,12 tỷ đồng, thuế tài nguyên 26,7 tỷ đồng ... Về cơ bản, Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán thuế và thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của các sắc thuế.

3.2.4. Kiểm soát việc chấp hành pháp luật trong đầu tư và mua sắm.

Qua kiểm soát trực tiếp với phương pháp chọn mẫu để kiểm soát quy trình đầu tư cũng như mua sắm vật tư thiết bị, tài sản; BKS đánh giá: Về cơ bản hoạt động đầu tư, mua sắm trong năm 2017 được thực hiện theo các quy trình của Công ty cũng như tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

3.2.5. Việc tuân thủ công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Công ty đã thực hiện chủ trương tối ưu hóa chi phí theo kế hoạch của GENCO2, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhằm mang lại hiệu quả và năng suất lao động cao nhất cho Công ty.

Thường xuyên tuyên truyền phổ biến đến các phòng ban và toàn thể CBCNV trong Công ty về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong công tác mua sắm nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư hàng hóa, chi phí hành chính theo đúng quy trình, quy chế đã được Công ty ban hành, định kỳ tiến hành kiểm tra các phòng ban, phân xưởng để có biện pháp sử dụng vật tư văn phòng phẩm một cách hợp lý... Công ty cần phải tổ chức đánh giá và lượng hóa việc thực hiện tiết kiệm các chi phí hàng năm; Trên cơ sở đó ban điều hành có kế hoạch chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

3.2.6. Tổ chức công tác kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán thực hiện các chức năng theo quy định. Về cơ bản công tác kế toán đã chấp hành theo các quy định của chế độ kế toán, công tác chỉ đạo kiểm tra được chú trọng, quan tâm thực hiện tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. QUẢN LÝ VÀ CHỈ ĐẠO VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.

4.1. Công tác lập và thông qua kế hoạch SXKD hàng năm.

Theo kế hoạch hàng năm việc lập kế hoạch cho năm tiếp theo được thực hiện từ tháng 10 của năm hiện tại, các phòng ban giúp việc lập đề TGD trình HĐQT thông qua kế hoạch SXKD cho năm tiếp theo; Tuy nhiên qua các năm gần đây kế hoạch SXKD đều chưa được HĐQT phê duyệt thông qua ngay từ đầu năm và chỉ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên (Quý II của năm kế hoạch).

4.2. Công tác quản lý vận hành thiết bị khảo sát kỹ thuật và lập tiêu lượng sửa chữa thiết bị.

✓ Công tác quản lý vận hành.

Công tác quản lý vận hành thiết bị năm 2017 chưa đạt các chỉ tiêu hiệu quả đề ra, tỷ lệ sự cố thiết bị do nhiều nguyên nhân vượt kế hoạch giao; Đặc biệt đã xảy ra sự cố cháy tại khu vực Tuabin của Tổ máy S2 làm dừng toàn bộ dây chuyền 1 trong gần 90 giờ, S2 dừng và phải đưa vào đại tu sớm hơn so với kế hoạch đã đề ra, ảnh hưởng đến doanh thu của PPC.

✓ Công tác quản lý sửa chữa.

Việc lập tiêu lượng sửa chữa, dự báo sự cố của các thiết bị chưa mang tính chất dự phòng thường xuyên, dẫn đến khi xảy ra sự cố việc sửa chữa thay thế thiết bị thường xuyên gặp khó khăn do chưa chuẩn bị kịp thời vật tư thiết bị để thay thế.

Công tác khảo sát lập tiêu lượng cho các công trình sửa chữa lớn chưa chặt chẽ và đầy đủ, thường xuyên phải bổ sung phát sinh do đó còn có những hạng mục phát sinh không thay thế được do việc mua sắm thiết bị không kịp tiến độ, ảnh hưởng đến tuổi thọ của thiết bị.

4.3. Công tác giám sát kỹ thuật đối với các công trình SCL, sửa chữa thường xuyên và công tác thực hiện các Hợp đồng sửa chữa của nhà thầu.

Đối với công tác đại tu sửa chữa lớn: Công ty đã thành lập một bộ phận chuyên trách công tác chỉ đạo và giám sát công việc Sửa chữa lớn. Việc giám sát và kiểm điểm tiến độ sửa chữa của các công trình được cập nhật thường xuyên tuy nhiên theo quan sát của BKS qua quá trình kiểm soát còn một số nội dung như sau:

- Đối với việc giám sát S2,S6 trong quá trình sửa chữa: Chưa giám sát và kiểm soát theo dõi chặt chẽ việc tuân thủ quy trình SCL của nhà thầu nên nhà thầu đã để xảy ra vi phạm quy trình sửa chữa, ảnh hưởng đến thiết bị của Công ty dẫn đến công tác đại tu S6 bị chậm tiến độ trên 30 ngày...

- Đối với công tác SCTX: Trong quá trình đơn vị sửa chữa thực hiện công việc SCTX chưa theo sát và cập nhật tình hình sửa chữa thường xuyên của các thiết bị, chưa đề xuất các biện pháp xử lý tình huống kỹ thuật mang lại kết quả cao nhất, đơn vị sửa chữa chưa làm hết trách nhiệm, chậm tiến độ, kéo dài thời gian sửa chữa

thiết bị, làm mất cơ hội tăng doanh thu khi thị trường điện cần.

- Chất lượng công tác SCL chưa đạt hiệu quả tối đa cùng với quá trình giám sát chưa chặt chẽ do đó đã xảy ra rất nhiều sự cố của S6 sau khi S6 đi vào vận hành, sự cố S2 sau khi kết thúc đại tu bàn giao và đưa vào vận hành...

4.4. Việc chấp hành quy chế quản lý vốn và tài sản theo QĐ 151/QĐ-EVN ngày 28 tháng 8 năm 2017:

Năm 2017 đối với các khoản tiền nhàn rỗi, Công ty đã thực hiện chào lãi suất các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng với tiêu chí lựa chọn đơn vị có lãi suất cao nhất để thực hiện. Tuy nhiên số lượng tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP mà nhà nước chiếm cổ phần chi phối có tỷ lệ rất thấp.

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG VÀ QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017.

5.1. Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản của cổ đông.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	Tăng (+) giảm (-)
I	Vốn và tài sản				
1	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	72,56	50,10	22,46
2	Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	0,38	1,00	- 0,62
3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	0,27	0,50	- 0,22
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0,48	0,55	- 0,08
5	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0,52	0,45	0,08
II	Khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,94	3,64	- 1,70
2	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	3,64	2,00	1,64
3	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	2,29	3,89	- 1,60
III	Hiệu quả sử dụng vốn				
1	Doanh thu trên tổng vốn	%	95,00	62,08	32,92
2	LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	11,31	5,58	5,73
3	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	15,59	11,14	5,15

Qua phân tích các chỉ tiêu trên cho thấy; Tình hình tài chính và các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, hệ số nợ đều ở mức độ an toàn.

5.2. Quyết toán tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2017.

Họ và tên	ĐVT	KH 2017	TH 2017	So sánh (%)
1. Nguyễn Quang Huy - TB chuyên trách	Tr.đ	590,15	484,55	82,1
2. Hồ Trần Diệu Linh - Thành viên	Tr.đ	60	60	100
3. Hồ Trung Thành - Thành viên	Tr.đ	60	60	100
Tổng cộng		710,15	604,55	85,13

PHẦN THỨ HAI
KIẾN NGHỊ, KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ ĐỀ XUẤT
LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

I - KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Công ty trong việc kiểm soát và giám sát hoạt động của HĐQT thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017, sau khi thực hiện việc kiểm soát, ban kiểm soát có một số kiến nghị với ban điều hành Công ty như sau:

1. Doanh thu bán điện:

i. Triển khai đàm phán với EVN để thu hồi giá trị đầu tư sau khi cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý khí thải đảm bảo phù hợp theo tiêu chuẩn về môi trường của Dây chuyền 2 vào giá bán điện của DC2.

ii. Triển khai đàm phán với EVN cho phép Công ty được tính bổ sung chi phí thuế tài nguyên nước của Phả Lại 2 vào giá bán điện theo Thông tư 56/2014/TT-BCT của Bộ Công thương ban hành ngày 19/12/2014.

iii. Triển khai làm việc với các tổ chức tín dụng để đàm phán thu xếp vốn cho Dự án cải tạo nâng cấp Dây chuyền 1 đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra.

2. Công tác quản lý, điều hành việc thực hiện kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao.

i. HĐQT cần xem xét đề thông qua Quyết định phê duyệt kế hoạch SXKD của năm sau trong tháng 12 của năm trước ngay sau khi có kế hoạch sản lượng do Cục điều tiết điện lực giao.

ii. Ban điều hành cần chỉ đạo phân công trách nhiệm cụ thể với từng bộ phận, cần sắp xếp nhân sự có trình độ để giám sát các công trình sửa chữa, đào tạo nâng cao trình độ cho các KTV phù hợp với nội dung công việc cần phải làm trong quá trình sửa chữa của các nhà thầu. Đồng thời xây dựng kế hoạch công việc và nội dung giám sát cụ thể đối với từng công trình, đánh giá kết quả thường xuyên theo định kỳ thời gian của các HĐ sửa chữa.

iii. Quy định cụ thể thời gian thực hiện, trách nhiệm tài chính đối với công việc sửa chữa thường xuyên cho từng thiết bị đối với nhà thầu (ràng buộc bằng các điều kiện cụ thể trong Hợp đồng SCTX); Dừng công việc sửa chữa của nhà thầu nếu đã vi phạm tiến độ và chất lượng công việc, tìm đơn vị khác thay thế để thực công việc sửa chữa đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc tăng tuổi thọ vận hành cho thiết bị.

iv. Tổ chức mua sắm để thay thế thiết bị (đặc biệt là DC2) Công ty cần xây dựng phương án kỹ thuật để lựa chọn được thiết bị của nhà chế tạo đảm bảo cho thiết bị vận hành ổn định an toàn.

v. Thực hiện nghiêm công tác khảo sát và lập tiên lượng sửa chữa các công trình; Quy định trách nhiệm cá nhân trong công tác khảo sát lập tiên lượng sửa chữa, chịu trách nhiệm đối với các vật tư thiết bị đề nghị thay thế tránh tối đa trường hợp vật tư đã tổ chức mua sắm nhưng không sử dụng gây tồn kho lãng phí và ứ đọng vốn.

vi. Tìm kiếm thêm nhà thầu có khả năng đảm đương được công việc sửa chữa thường xuyên, xem xét tách khối lượng thiết bị theo từng tổ máy để có thể tiến hành đấu thầu công tác SCTX của từng tổ máy để nâng cao chất lượng sửa chữa, tạo sự cạnh tranh mang lại hiệu quả cho Công ty.

vii. Ban điều hành cần tăng cường công tác quản lý thiết bị đảm bảo vận hành ổn định hệ thống tiếp nhận than bằng đường sắt; Tăng khối lượng than nhập bằng đường sắt góp phần giảm giá thành sản xuất điện, nâng cao hiệu quả SXKD .

3. Quản lý đầu tư tài chính:

i. Ban điều hành cần đẩy nhanh việc thu hồi khoản đầu tư vào Công ty quản lý Quỹ Bảo Việt.

ii. Xem xét việc lập kế hoạch và tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh để làm nguồn tài chính đối ứng cho cải tạo nâng cấp DC1.

iii. Công ty cần xem xét thực hiện gửi tiền có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng có uy tín để đảm bảo an toàn nguồn lực tài chính của Công ty.

iv. Xem xét việc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

v. Mời cơ quan Thuế thực hiện quyết toán thuế cho Công ty giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2017.

II - KẾ HOẠCH CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NĂM 2018:

STT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
2.1	Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty trong năm 2018. Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch do ĐH đồng cổ đông giao. Xem xét tình hình thực hiện kiến nghị của các cuộc kiểm soát trước.	Thực hiện tháng hàng tháng	Ban kiểm soát
2.2	Tham dự các cuộc họp của HĐQT; Đề xuất các ý kiến nhằm xây dựng Công ty về các vấn đề: Tài chính, thuế, quản trị nhân sự, đầu tư, sửa chữa...	Theo lịch họp của HĐQT	Ban kiểm soát
2.3	Thực hiện kiểm soát và lập báo cáo kiểm soát năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông 2018	Tháng 3/2018	Ban kiểm soát
2.4	Họp ban kiểm soát định kỳ: - Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi thành viên, đề xuất biện pháp và kế hoạch thực hiện. - Xem xét tình hình sản xuất chung của Công ty, đánh giá sơ bộ kết quả kinh doanh cùng	Hàng Quý	Ban kiểm soát

	<p>thời điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập biên bản họp ban kiểm soát. 		
2.5	<p>Tổng kết là báo cáo tình hình công tác kiểm soát năm 2018 và kế hoạch chương trình công tác kiểm soát năm 2019 của Ban kiểm soát Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập báo cáo gửi các cổ đông của PPC 	Tháng QuýI/2019	TB kiểm soát

III - ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018.

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo công tác kiểm soát năm 2017 của Ban kiểm soát báo cáo với quý cổ đông Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- HĐQT PPC;
- Lưu Ban KS.

(Đã ký)

Nguyễn Quang Huy